TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ - ST.
Ngày: 25 – 5 - 2021.
V/v "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 30/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Nguyên vào năm 2004, ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 30/8/2005. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cải nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Nguyễn Uy Q, sinh ngày 04/9/2005 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/10/2010,

hiện các con chung đang sống với bà N. Quá trình chung sống ông, bà không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh D vẫn giữ nguyên yêu cầu theo nội dung đơn khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng N; về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Uy Q, sinh ngày 04/9/2005 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/10/2010 cho bà Nguyễn Thị Hồng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung ông thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Q và cháu H với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000đồng/tháng; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Nguyên vào năm 2005, bà và ông Nguyễn Thanh D tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 30/8/2005. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì sau đó phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế hàng ngày của vợ chồng và ông D không chăm lo cuộc sống gia đình, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên ông, bà thường xuyên cải nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian chung sống bà và ông D có 02 người con chung tên Nguyễn Uy Q, sinh ngày 04/9/2005 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/10/2010, hiện các con chung đang sống với bà N. Qúa trình chung sống bà và ông D có tạo lập được một số tài sản chung, cụ thể là dãy nhà cho thuê trọ gồm 08 phòng tọa lạc tại ấp Ngãi Hội 2, thị trấn Đại Ngãi nhưng bà và ông D sẽ tự thỏa thuận với nhau, trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên hiện nay bà và ông D vẫn chưa thỏa thuận được nên bà yêu cầu Tòa án đưa ra xem xét quyết chia toàn bộ tài sản chung cho bà để bà có điều kiện nuôi con. Nợ chung thống nhất không có đúng như lời trình bày của ông D.

Bà Nguyễn Thị Hồng N có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thanh D vì giữa bà và ông D chưa giải quyết về tài sản chung.

- Về con chung: Xin được quyền nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Uy Q, sinh ngày 04/9/2005 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/10/2010 đến khi thành niên, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000đồng/tháng đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Yêu cầu chia toàn bộ tài sản chung cho bà để bà có điều kiện nuôi con.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh D.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Uy Q, sinh ngày 04/9/2005 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/10/2010 cho bà Nguyễn Thị Hồng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Quyền và cháu Huy, ông Nguyễn Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu Quyền và cháu Huy đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Do ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N không có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn bà N có nơi cư trú tại ấp An Đức, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2015 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân của ông D và bà N tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/9/2020, ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguuyễn Thanh D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng N với lý do trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cải nhau, dẫn đến

mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Ông D và bà N xác định từ khi ông, bà chính thức xin ly hôn đến nay hai bên không tìm biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, tại phiên tòa bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D vì giữa bà và ông D chưa giải quyết được vấn đề tài sản chung, bà không đưa ra lý do nào khác về việc không đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng N.

[3] Về con chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông, bà có 02 (một) người con chung tên Nguyễn Uy Q, sinh ngày 04/9/2005 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/10/2010, hiện nay các người con chung đang chung sống với bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D xin được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng các người con chung cho bà Nguyễn Thị Hồng N, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu Quyền và cháu Huy đủ 18 (Mười tám) tuổi theo yêu cầu của bà N. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu Quyền và cháu Huy do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu Quyền và cháu Huy đã ổn định về mọi mặt; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Quyền và cháu Huy; bà N cũng thống nhất xin được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Quyền và cháu Huy; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Quyền và cháu Hùy thì nguyện vọng của các cháu muốn sống chung với bà N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Quyền và cháu Huy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao cháu Quyền và cháu Huy cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Quyền và cháu Huy với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/5/2021) cho đến khi cháu Quyền và cháu Huy đủ 18 tuổi (Mười tám tuổi). Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Thanh D mà không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D xác định ông và bà N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N bà xác định bà và ông D có tạo lập được tài sản chung, cụ thể là dãy nhà cho thuê trọ gồm 08 phòng tọa lạc tại ấp Ngãi Hội 2, thị trấn Đại Ngãi nhưng bà và ông D sẽ tự thỏa thuận với nhau, trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết

về tài sản chung, tuy nhiên hiện nay bà và ông D vẫn chưa thỏa thuận được nên bà yêu cầu Tòa án đưa ra xem xét giải quyết chia toàn bộ tài sản chung cho bà để bà có điều kiện nuôi con. Mặt dù Tòa án có thông báo về việc nếu bà có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung thì phải thực hiện thủ tục phản tố theo quy định tuy nhiên bà N không thực hiện, cụ thể: Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2021 bà N trình bày: "*Tôi và ông D vẫn không thỏa thuận được về tài sản chung và Tòa án có thông báo nếu tôi có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì phải thực hiện quyền yêu cầu phản tố theo quy định, nhưng tôi không đồng ý thực hiện thủ tục này theo thông báo của Tòa án"*. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tài sản chung trong vụ án này. Trường hợp sau khi ly hôn ông D và bà N phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh D phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Nguyễn Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Uy Q, sinh ngày 04/9/2005 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/10/2010 cho bà Nguyễn Thị Hồng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/5/2021) cho đến khi cháu Quyền và cháu

Huy đủ 18 tuổi (Mười tám) tuổi. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Thanh D mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Hồng N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh D phải chịu 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (Bao gồm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí xin ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007188 ngày 30/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông D còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đại Ngãi;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo